

# Vết tích liên hệ long-rồng và sông qua ngôn ngữ ( phần 1 )

## (Ảnh hưởng phương Nam trong ngôn ngữ văn hoá Hán)

**Nguyễn Cung Thông**

*nguyencungthong@yahoo.com*

### **Con sông thiên nhiên**



### **Con rồng Việt Nam thời Lý**



*Hình trích từ <http://vi.wikipedia.org/wiki/R%E1%BB%93ng>*

Bài này được soạn ra trước khi người viết tham dự Hội Nghị Quốc Tế Việt Nam Học kỳ thứ 3 (4-7/12/2008, Hà Nội). Trong quá trình bàn luận và trao đổi với các học giả khác từ trên thế giới về văn hoá Việt Nam, người viết gặp chị Quang Kim Ngọc<sup>1</sup> MA - tác giả bài viết "A Case Study of dragons and rainbows" cũng đưa ra nhiều bằng chứng cho thấy rằng rồng Trung Quốc có thể bắt nguồn từ khu vực Đông Nam Á, chứ không phải là ngược lại như rất nhiều người lầm tưởng. Phần sau cho thấy tương quan giữa những dạng biến âm của rồng/long và các hiện tượng thiên nhiên như sông, mống ...v.v...

## **1. Giới thiệu tổng quát**

Có nhiều tác giả đã liên kết rồng với sông - khuynh hướng rõ nét nhất là từ các tác giả người Nga hay học từ bên Nga<sup>2</sup>. Theo tác giả Trần Ngọc Thêm trong cuốn 'Cơ sở Văn Hoá Việt Nam' NXB Giáo Dục (tái bản lần thứ hai - 1999) trang 135 '... Hình tượng con rồng vốn xuất phát từ vùng Đông Nam Á - đó là điều đã được giới khoa học khẳng định. D. V. Deopik (1993, tr. 13) viết '..rồng là con vật đặc thù chung cho tất cả các dân tộc Việt và chính từ đây nó đã đi vào văn hoá Trung Hoa..'. Còn Ja V. Chesnov (1976, tr. 265) thì cho biết '...hình tượng con rồng phát sinh từ Đông Nam Á đã thâm nhập đến những vùng xa xôi nhất của châu Âu..'. Nếp sống tình cảm, hiếu hoà của người nông nghiệp đã biến con cá sấu ác thành con rồng hiền. Hình cá sấu là môtip trang trí khá phổ biến trong các đồ đồng Đông Sơn ... Cá sấu - rồng được coi là chúa tể cai quản vùng sông nước với tên gọi là Bua Khú (Vua Sấu) ở người Mường, Long Quân, Long Vương ở người Việt. Chử rồng (Việt) và Long (Hán Việt) đều bắt nguồn từ

krong, krông, klong trong tiếng Đông Nam Á cổ có nghĩa là sông nước ... Con rồng mang đầy đủ hai nét đặc trưng cơ bản của tư duy nông nghiệp là tổng hợp và linh hoạt là kết hợp của cá sấu và rắn, sinh ra từ nước hay bay lên trời ... Rất nhiều địa danh Việt nam được đặt tên rồng ... Người dân Nam Bộ tin rằng cá sấu tu lâu năm (nằm im một chỗ cho đất cát phủ lên thành cù lao) tới ngày đắc quả sẽ hoá thành rồng bay lên trời (hiện tượng đó được gọi là cù dật)...'

Liên hệ rồng và sông còn thấy trong bài viết 'Rồng Việt Nam và dòng sông Nga Volga' tác giả N. I. Niculin '...Tên sông Volga bắt nguồn từ từ vraga (nước). Tên gọi đó gắn liền với toàn bộ quan niệm thần thoại của người Xlavơ về nước, như vodoanuri (thủy thần), ruxanka (nàng tiên cá)... Trong văn hoá truyền thống của người Việt, hình tượng con rồng - một con vật tưởng tượng - trở thành biểu tượng quan trọng nhất ... Chính người Việt từ ngàn xưa đã biết trồng lúa nước và đánh cá ... Hoàn toàn có cơ sở để cho rằng hình tượng con rồng trong văn hoá Trung Hoa có nguồn gốc từ phương Nam, từ vùng Đông Nam Á, từ Việt Nam và các quốc gia láng giềng.... Rồng Việt Nam và sông Volga của nước Nga - hai biểu tượng quốc gia - đã gặp nhau như vậy. Tại đây, biểu tượng của nước Nga (Volga) gắn với sắc thái ngữ nghĩa được long thể hiện trong cụm từ Cửu Long'- trích từ cuốn 'Dòng chảy văn hoá Việt Nam' của N. I. Niculin - Hồ Sĩ Vinh, Nguyễn Hữu Sơn tuyển chọn và giới thiệu - NXB Văn Hoá Thông Tin - Hà Nội (2006).

Trong cuốn 'Bản sắc văn hoá Việt Nam' - NXB Văn Học - Hà Nội (2002), tác giả Phan Ngọc cũng đưa ra nhận xét 'Từ chỗ thờ hiện tượng thiên nhiên người ta thờ động vật. Hai con vật phổ biến nhất trong huyền thoại Đông Nam Á là chim và rắn. Rồi chim thành tiên và rắn thành rồng bằng cách kết hợp chim với người và rắn với cá sấu. Rồng là sản phẩm của Đông Nam Á, chúa tể các sông, chim là chúa tể các rừng và có mặt trong các huyền thoại, trước khi mang hình thức Trung Quốc ...' Tác giả cũng trích bài viết 'Về gốc tích con rồng' của Phạm Huy Thông trong *Khảo Cổ Học*, số 1-2, 1988.

Các nhận xét trên còn có thể được hỗ trợ qua những tương quan ngôn ngữ và dữ kiện cụ thể hơn trong vốn từ Hán, Hán Việt, Việt ... tóm tắt ở phần sau.

## 2. Các chữ liên hệ đến long-rồng

### 2.1 Nguồn gốc chữ long 龍 hay rồng

Hình ảnh rồng cũng hiện diện trong văn hoá Trung Hoa từ thời cổ đại - phản ánh qua ghi nhận của Lễ Ký - Lễ Vận : *Lân Phương Quy Long vị chi tứ linh* 禮記 - 禮運 : 麟鳳龜龍謂之四靈... Xem các vết khắc/vẽ trên giáp văn, kim văn và chữ triện cho thấy long 龍 là chữ tượng hình – hình một con thú có sừng, miệng rộng và mình cong và dài ...

Seal Characters (chữ triện)



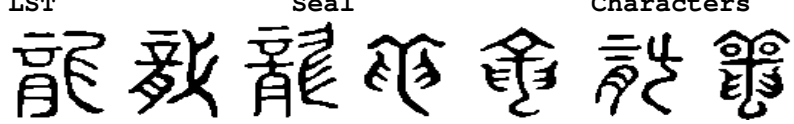
Long (phồn thể)



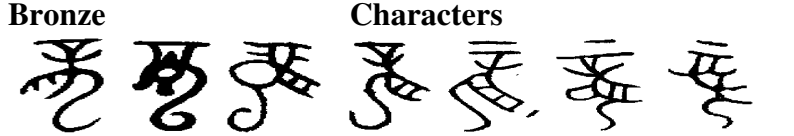
Long (giản thể)



LST Seal Characters (chữ triện)



Bronze Characters (kim văn)



Oracle Characters (giáp văn)



Xem thêm nhiều chi tiết trên mạng của tác giả Richard Sears (cập nhật 2008)  
<http://www.chineseetymology.org/CharacterASP/CharacterEtymology.aspx?characterInput=%E9%BE%8D>

Rồng hiện diện trong hầu hết các huyền thoại Á Đông qua nhiều hình thái như cá sấu, rắn nước ... ngay cả thần nước (có khả năng phun nước, tạo mưa ...) và thường là điềm lành hay biểu tượng rất tốt; Tính chất này khác hẳn với tư duy Tây phương cổ đại về rồng : thường là loài ác thú chuyên tàn phá và giết hại dân lành, cho nên ai giết được rồng thì trở thành thánh (như St. Michael, St. George, St. Margeret, St. Samson ...).

Tiếng Nhật có các từ (1) *tatsu* (tiếng Nhật Cổ là ta-tu) (2) *ryū* hay *ryō* 龍 (từ tiếng Hán long BK, phụ âm cuối -ng mất đi) (3) *nāga* ナーガ từ tiếng Phạn naga □□□ (thật ra nghĩa nguyên thủy tiếng Phạn là rắn/serpent, snake) (4) gần đây hơn là dạng đơn âm hoá của dragon (tiếng Anh/Pháp, có gốc La Tinh; Hi Lạp drakon là rắn) thành ra *doragon* ドラゴン . Rồng tiếng Hàn có các dạng *yong* (ngạc cứng hoá của long) hay *ryong* 응/룡 (미르) đều có gốc tiếng Hán long . Một huyền thoại dân tộc Hàn nói về loài vật hư cấu kê-long (鷄龍 rồng gà, tiếng Hàn *gye-ryong* 계룡 - cockatrice) : hoàng hậu của triều đại Silla sinh ra từ trứng con kê-long.

Từ các tên gọi con rồng trong tiếng Nhật và Hàn, ta có thể thấy quá trình vay mượn từ tiếng Hán rất rõ nét - tuy nhiên khi so sánh với các cách gọi loài rồng trong những ngôn ngữ Đông Nam Á thì tình hình lại khác hẳn. Rồng tiếng Thái là má-rohng มะโรง (cũng giống tiếng Xiêm/Siam, thuộc nhánh ngôn ngữ Kam-Thái), hay mang-gon มังกร ; So với dạng rồng (Việt, Mường, Khme) nhưng tiếng Mường (Bi) còn thêm một dạng nữa là hồng ((và hồng = rộng ...) - theo người viết là biến âm của không - không (sông), cũng như cụm từ hồng ca (trồng gà - nghĩa là gà trồng, gà sông).

2.2 Nhiều tài liệu cổ Trung Hoa viết về rồng - đa số là thần thoại và rất mơ hồ, để được hiểu tự do. Tuy nhiên có ba chú thích quan trọng theo thứ tự thời gian đáng được phân tích thêm : đó là Mao Thi (Kinh Thi, A) , Thuyết Văn Giải Tự/TVGT thời Đông Hán (B) và Khang Hy/KH (năm 1716, C)

(A) 小雅·南有嘉魚之什·蓼蕭 : Tiểu Nhã . nam hữu gia ngư chi thập . liệu tiêu

龍 , 寵也。箋云為寵為光 , 言天子恩澤光耀 , 被及己也 : Long , sủng dã . Tiên vân vi sủng vi quang , ngôn thiên tử ân trạch quang diêu , bị cập kỷ dã

(B) 鱗蟲之長, 能幽能明, 能細能巨, 能短能長, 春分而登天, 秋分而潛淵 . 从肉从飛省. 童省聲:  
Lân trùng chi trường, năng u năng minh, năng tế năng cự, năng đoản năng trường, xuân phân nhi đăng thiên, thu phân nhi tiềm uyên. tông nhục. tông phi tinh. đồng tinh thanh.

(B) 寵 : 尊居也. 从宀龍聲 . Long : tôn cư dã . tông miên long thanh

(C) 寵 : 丑壟切 . 丑勇切 . Sủng : Sửu lũng thiết . Sửu dũng thiết .

(C) 瀧 : long HV, tên sông, mưa, ướt ... nhưng còn một cách đọc là 雙 song ghi ở cuối phần định nghĩa của Khang Hy! Chữ này ít gặp với tần số dùng là 178 trên 171894734 - giọng Bắc Kinh (theo pinyin/bính âm) là lóng, lòng ... giọng Quảng Đông/QĐ đọc là lung4, soeng1 so với Hệ lung2 - để ý dạng soeng1 của QĐ tương ứng với dạng sông của Việt Nam.

2.3 Có nhiều tác giả dẫn giải về định nghĩa của Mao Thi 'Long : sủng dã' như đã ghi ở trên<sup>3</sup>. Theo học giả Đoàn Ngọc Tài (1735-1845) thì '... 謂龍即寵之假借也. 勺傳曰: 龍和也. 長發同. 謂龍為邕和之假借字也...' (vị long tức sủng chi giả tá dã. Chúc truyện viết: Long hoà dã. Trường phát đồng. Vị long vi ung hoà chi giả tá tự dã) : Nói long tức là nói chữ giả tá của sủng. Chúc Truyện nói: Long tức là hoà. Đồng nghĩa với trường phát (bằng phát triển lâu dài). Nói long tức là nói chữ giả tá của ung hoà (bằng hoà mục, hoà hiệp) trích từ vi.wikipedia chủ đề rồng. Theo lời chú của Đoàn Ngọc Tài, trong cổ văn, chữ long ngoài ý nghĩa là một linh vật còn được dùng như chữ giả tá của sủng và hoà với các ý nghĩa đã nêu trên. Cách lý giải như vậy dựa vào nghĩa mà quên đi phần âm; Hiện tượng này rất thường gặp vì âm thanh đã thay đổi nhiều sau một thời gian dài - và lúc đó không có các dữ kiện về giọng địa phương như QĐ, Hệ ... và các ngôn ngữ láng giềng - thường lại duy trì âm cổ hơn! Theo người viết thì **sủng** chính là một âm đọc khác của long, điều này thấy rất rõ trong định nghĩa của sủng trong Thuyết Văn Giải Tự. Nói cách khác, sủng là một chữ với long là thành phần **hài thanh**. Vì hai chữ đọc quá khác nhau (sủng, chong3 BK so với long/rồng long2 BK) nên ít người nhận ra được liên hệ ngữ âm này. Ngoài ra, theo cách đọc Trung Cổ của sủng (Sửu dũng thiết, KH) thì âm đầu s- của sủng tương ứng với âm đầu s- của Sửu - nhưng ta cũng đã biết rằng âm đầu s- của Sửu chính là một dạng của tổ hợp phụ âm tr/tl- (âm trâu, tlu)<sup>4</sup>; Thành ra ta có cơ sở liên kết phụ âm đầu lưỡi vô thanh s- với âm biên (lateral) l- . Tương quan l-s như trên rất khó nhận ra khi chỉ phân tích ngữ âm tiếng Hán đồng đại, tuy nhiên khi so sánh tiếng Hán qua các giọng địa phương hay HV và Việt thì sẽ thấy rất rõ nét :

力 lực - sức

郎 lang - chàng  
 朗 lǎng - sáng  
 浪 lǎng - sóng  
 蓮 liên - sen  
 饅 lâu - sọ  
 蠟 lạp - sáp  
 覽 lãm - xem  
 藍 lam - chàm - xám  
 籠 lung - chuồng - lồng - lộng  
**龍 long - \*chong - rông - sông**  
 寵 long - chong3 BK - sủng  
 ...v.v...

Nếu tác giả Đoàn Ngọc Tài biết đến Nguyễn Trãi (1380-1442) từng dùng chữ Nôm **sông** 淹 hay 瀧 (long HV) hay các liên hệ l-s trong tiếng Việt như đã dẫn ở trên thì có lẽ ông sẽ đi đến một kết luận khác hơn về tương quan long-sủng thay vì là giả tá<sup>5</sup>!

**2.4** Không những chữ long 龍 đã có dạng đọc là song, một số âm Hán long cũng có thể đọc là \*chong , \*zhang/zhong hay \*song/shuang cho thấy khuynh hướng biến âm này không chỉ hiện diện trong hệ thống âm thanh HV - điều đáng chú ý là các chữ này đều liên hệ đến tên **sông**, nước, ướt ... như trường hợp của chữ long 瀧 đã nói ở trên :

2.4.1 淞 tùng HV - **song1, song2** BK - **sung1** QĐ - siung1 Hẹ ... tên sông ở tỉnh Giang Tô<sup>10</sup>

2.4.2 湘 : **song , srong**, tương ... HV - shuang1, xiang1 BK - **soeng1** QĐ - **siong1** Hẹ - tên con sông<sup>5</sup> Tương nổi tiếng chảy qua tỉnh Hồ Nam; Nay cũng là tên gọi tỉnh Hồ Nam ... Theo Thiều Chửu thì '*sông Tương, ta quen đọc là srong*' - thật ra, *ta quen* (khẩu ngữ) thói xưa hay âm 'tiền Hán Việt' là *srong*; Tương là dạng HV hiện diện sau này khi nhập vào tiếng Việt từ thời Đường Tống một cách có hệ thống (phụ âm sát đầu lưỡi vô thanh s- Hán trở thành tắc đầu lưỡi vô thanh t-). Các trường hợp tương tự như Mùi Vị (Mùi là âm cổ hơn Vị và còn duy trì trong khẩu ngữ). Đây là cánh cửa hé mở cho ta thấy mối dây liên hệ *srong sông \*krong* ... Một dạng âm cổ phục nguyên<sup>9</sup> của Tương là \*sang tương ứng với dạng sông tiếng Việt bây giờ. Srong 霜 (shuang1 BK) còn chỉ một dạng của nước (hơi nước) - đồng âm với tương 湘 dựa theo Tập Vận : tư trang thiết, âm srong 【集韻】思莊切 , 音霜. Do đó, có lẽ không quá đáng khi ta thành lập liên hệ tương 湘 và srong 霜 với long và sông qua mẫu số chung là nước

2.4.3 漳 : zhang1 BK – zoeng1 QĐ – **siong1** Hẹ - trương, giương, giảng ... giang-sông - tên một con sông ở tỉnh Hồ Nam, tên một con sông ở Phúc Kiến ... Để ý các âm dạng gi- s- (giang, sông, 'shông') của các tên sông ở phía nam sông Hoàng Hà (khu vực có các dân nói tiếng Nam Á thời Thượng Cổ). Các từ Hán, HV chỉ sông nước với phụ âm đầu lưỡi ồn như s-, z/gi- (hay kl/tl/tr- > s-) như trên là một đề tài cần nghiên cứu chi tiết để thêm phần chính xác, nhất là từ các ngôn ngữ có ảnh hưởng lẫn nhau thời Thượng Cổ ở miền Nam Trung Hoa.

2.5 Theo định nghĩa của TVGT ở trên, cách đọc long thời Đông Hán là đồng, đây là thanh phù đặc biệt quan trọng để cho ta thêm chứng tích của liên hệ long-rồng và sông. Liên hệ của phụ âm đầu đ-tr/ch để lại khá nhiều tàn tích trong sử liệu thượng cổ, như sách Xuân Thu ghi Trần Hoàn thì sách Luận Ngữ ghi Điền Hoàn, sách Luận Ngữ ghi Thân Thành thì Sử Ký ghi Thân Đường<sup>8</sup> ... Ngoài ra, một dạng âm thượng cổ phục nguyên của long-rồng là \*Crong với C chỉ phụ âm đầu như t,k,m... rất phù hợp với các dạng krong, krung, klong ... chỉ con sông trong các ngôn ngữ dân tộc ở miền Nam Trung Quốc bây giờ. Chính vì âm đầu lưỡi đ- mà có tác giả đã từng liên hệ rồng với cây thông hay tùng HV 松 - như theo tác giả Y Vinh Phương<sup>10</sup>, rồng vốn là cây tùng, loài xanh tươi quanh năm phản ánh hình dạng và thuộc tính của loài rồng ... Xem thêm bài viết về Nguồn gốc Việt Nam của tên 12 con giáp - Thìn/Thần (phần 8). Nhưng trong tiếng Việt, phụ âm đầu tr- và s- lại có tương quan rất gần<sup>8</sup> như từ các chữ Nôm cổ cho thấy trống cũng dùng như sông, son dùng như tròn ... Tóm lại ta có cơ sở cho chuỗi biến âm tr/tl/kl-đ > s để giải thích liên hệ \*Crong với sông. Trong bài viết của Jerry Norman và Tsui-lin Mei "The Austroasiatics in Ancient South China: Some Lexical Evidence" (1976), các tác giả đã đưa ra nhận xét giang HV (jiang1 BK) có dạng (Nam Á) \*krong và thường dùng chỉ các sông phía Nam Dương Tử Giang.

Ta hãy xem thêm các liên hệ đ-tr qua thành phần HT đồng 童 : ngoài nghĩa thường gặp là trẻ thơ, ta còn có các nghĩa khác hơn như trâu dê không có sừng, núi không có cây cỏ, tuổi già trụi tóc ... mà tiếng Việt còn dùng chữ trống - để ý tổ hợp phụ âm đầu tr-. Đồng 童 còn là một tên sông (KH) ... Một điểm đáng chú ý là dạng âm cổ phục nguyên \*Crong mà phụ âm đầu C- là m- hay \*mrong thì ta có dạng má-rohng Kam-Thái như nói ở trên, và nếu phụ âm -r- nhược hoá thì ta lại có dạng \*mong rất phù hợp với dạng *mống* (cầu vồng/rainbow - *vòng* là biến âm của *mống*). Tiếng Thái cầu vồng là róng รั้ง . Còn nếu dạng cổ \*Crong với phụ âm đầu C- là k thì khi -r- nhược hoá, ta có dạng \*kong hay \*gong : đây là dạng gòng BK 虹 (*hóng, hòng, gòng, jiàng* theo pinyin/bính âm, *hông* HV) hay *hung4* Quảng Đông chỉ cầu vồng phù hợp với dạng *hông* (con rồng, Mùng Bì). Các dữ kiện này đều cho thấy dạng \*krong/sông của âm đồng, cách đọc chữ long thời Đông Hán và có khả năng là long/ rồng liên hệ họ hàng với các tên gọi cầu vồng<sup>9</sup> ở Đông Nam Á.



Hình cầu vồng từ <http://en.wikipedia.org/wiki/Rainbow>

Một cách giải thích khác về liên hệ họ hàng giữa long (rồng) và sông là khả năng đơn âm hoá của \*kr(l)ong hay \*kr(l)ung, âm thượng cổ phục nguyên của sông; Dạng \*kr(l)ong cho ra \*kong và \*long : Giang HV (jiang l BK bây giờ) thật ra đã từng đọc là công theo TVGT

#### 2.5.1 \*kr(l)ong cho ra dạng \*kong :

水部: 江 : 水。出蜀湔氐徼外嶓山，入海。從水工聲 (TVGT)

Thủy bộ : giang : thủy . Xuất thực tiên để kiểu ngoại dân san , nhập hải . Tòng thủy công thanh

Hồng (< \*kông) 虹 cầu vồng (mống)

水部: 港 : 水派也。從水口聲 (TVGT) (港 cảng/hống/giang - sông nhánh)

Thủy bộ : cảng : thủy phái dã . Tòng thủy hạng thanh

#### 2.5.2 \*kr(l)ong cho ra dạng \*long (rồng)

7273 水部 瀧 : 雨瀧瀧兒。從水龍聲

Thủy bộ lang/long : vũ lang lang mạo . Tòng thủy long thanh

(LANG/\*LONG còn là tên một con sông ở Quảng Đông - khu vực Bách Việt)

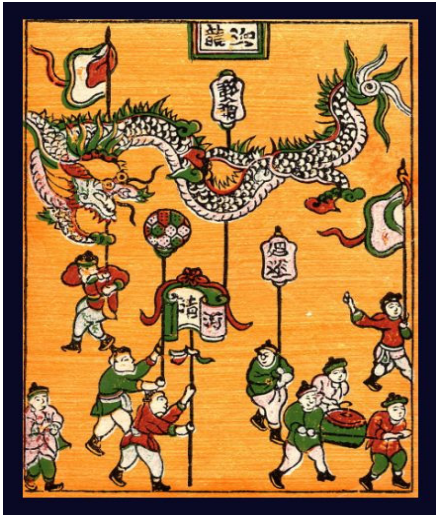
Long = rồng

...v.v...

Tóm lại, các dữ kiện ngôn ngữ trên đều cho ta thấy tương quan long-rồng hay đồng - \*kl/trong - sông dựa trên thành phần HT. Không phải ngẫu nhiên mà tiếng Mường có từ **long** nghĩa là tròn<sup>10</sup>, cũng như tiếng Indônêxia có từ **sungai** để chỉ sông. Điều này chỉ thấy rõ nét khi so sánh các cách đọc của tiếng Hán, Hán Việt và Việt cùng với một số ngôn ngữ láng giềng ở miền Nam Trung Quốc. Theo người viết,

các học giả Trung Quốc như Đoàn Ngọc Tài, Y Vinh Phương ... đã quá chú trọng về nghĩa mà không để ý đến âm hay thanh phù trong quá trình cấu tạo chữ Hán (công, hồng, long, sủng, tung..) : chính ở thanh phù và các vết tích ngôn ngữ lảng giềng mà ta có thể tìm ra được nhiều kết quả đặc biệt như long - rồng và sông. Những kết quả này thường được hình thành từ trực giác qua các huyền thoại và truyền thuyết mà ta phải cẩn thận kiểm tra vì nhiều khi đưa ra những nhận xét trái ngược nhau.

### 3. Phụ chú và phê bình thêm



Múa rồng - tranh dân gian từ làng Đông Hồ - trích từ [http://nguyentl.free.fr/Imageries-populaires/photo\\_imageries\\_populaires\\_vn.htm](http://nguyentl.free.fr/Imageries-populaires/photo_imageries_populaires_vn.htm)

(1) bài viết chung với GS Kuang Yu Chang, Graduate Institute of Linguistics, Tsing Hua National University (Đài Loan) và được trình bày trong Hội Nghị Quốc Tế Việt Nam Học lần thứ 3 (Hà Nội : 4-7/12/2008). Bài được đăng trong Kỷ Yếu của Hội Nghị ... Các dữ kiện và lý luận trong bài viết này cho thấy một cách nhìn khác để chứng tỏ nguồn gốc phương Nam của rồng (long).

(2) có thể có nhiều nguyên nhân dẫn đến 'khuyh hướng' lý giải phi-Trung Hoa của rồng từ các học giả người Nga như ảnh hưởng của các kết quả nghiên cứu ngôn ngữ, văn hoá rất phong phú về phương Đông ở Nga ...v.v...

(3) xem thêm <http://ist-socrates.berkeley.edu/~hh/odes/P171.html#m173>

(4) xem thêm bài viết phần 8 'Nguồn gốc Việt nam của tên 12 con giáp - Thìn/Thần Long-Rồng' . Các liên hệ của sông với các dạng krong/klong ... thường gặp trong các ngôn ngữ thuộc Đông Nam Á (như hệ Môn Khme)- và xem thêm bài viết 'Nguồn gốc Việt Nam của tên 12 con giáp - Sửu/trâu/tlu - phần 11) cùng tác giả.



(5) theo các tác giả Lý Lạc Nghị và Jim Waters trong cuốn 'Tìm về cội nguồn chữ Hán' (NXB Thế Giới - Hà Nội 1998) thì sủng 寵 có miên 宀 chỉ nghĩa 寵 chỉ âm đọc - nhưng tác giả lại không bàn thêm về âm đọc khác nhau của long và sủng.

(6) sông Tương có nhiều điển tích và tình sử nổi tiếng trong văn học Trung Quốc (và Việt Nam) - nếu tương chỉ là ký âm của \*siong hay sông thì câu 'đồng âm tương giang thủy' (cùng uống nước sông Tương) có 3 chữ đã từng có một nghĩa (sông) : tương, giang, thủy. Ta cũng thường gặp định nghĩa của Tương trong các tự điển TQ bằng tiếng Anh như Xiangjiang river : river tiếng Anh là sông, jiang và Xiang BK cũng là sông. Điều lý thú là ba chữ này đều lặp lại một nghĩa vào những thời kỳ và ngôn ngữ khác nhau. Đại Nam Quốc Âm Tự Vị (Huỳnh Tịnh Của, 1895) cũng ghi rằng 'ngân hà : sông giang hà, ở trên trời' (ba chữ sông, giang, hà cùng một nghĩa). Các cách dùng lặp lại nghĩa như vậy cho thấy phần nào giao lưu văn hóa theo thời gian, chữ hay âm cổ dùng chung với các dạng mới hơn.

(7) xem thêm 'Nghiên cứu về chữ Nôm' của tác giả Lê Văn Quán - NXB Khoa Học Xã Hội - Hà Nội (1981) và 'Một số vấn đề về chữ Nôm' của tác giả Nguyễn Tài Cẩn - NXB Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp - Hà Nội (1985).

(8) trang 195 – cuốn 'Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt' của Nguyễn tài Cẩn - NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội (in lần thứ 3, 2004)

(9) trong cuốn 'ABC Etymological Dictionary of Old Chinese' (University of Hawai'i Press – Honolulu 2007), tác giả Axel Schuessler cho rằng 'rất có thể' long HV (lòng BK, con rồng) có liên hệ với các ngôn ngữ vùng Đông Nam Á (trang 363).

(10) tiếng Mường *Póch tũa cho long* (vót đũa cho tròn) - xem thêm 'Từ Điển Mường Việt' chủ biên Nguyễn Văn Khang - Bùi Chi, Hoàng Văn Hành - NXB Văn Hóa Dân Tộc - Hà Nội (2002). Tiếng Việt có nhiều từ phát âm ra gợi cho ta hình ảnh của đối tượng so với tiếng TQ, chữ TQ (dựa vào hình) – nói cách khác ta có thể 'nghe ra hình' thay vì nhìn (mặt chữ) thấy hình. Chính chữ long cho thấy hình của con vật cong cong. Tác giả Lê Văn Siêu trong cuốn "Nguồn gốc văn học Việt Nam" (NXB Thế Giới - Sài Gòn 1956) đã ghi lại nhiều trường hợp về *tiếng tượng hình*. Ông nhận xét về tiếng Việt '... Nếu chữ tượng hình là một sáng chế đặc biệt của dân tộc cổ Trung Hoa thì *tiếng tượng hình* lại là một sáng chế đặc biệt khác của dân tộc chúng ta. Một đàn dùng hình vẽ để diễn tả, một đàn dùng âm thanh để diễn tả ...'. Thật ra, đây là một trong những tính chất thường gặp của các ngôn ngữ vùng Đông Nam Á nói chung. Những chữ có âm -ong/-ông thường diễn tả hình dạng không thẳng mà cong cong (cũng như hình hai môi cong lại khi phát âm o, ô, u) như long/rồng, lồng, cồng (lung), cồng, trái bóng (trái banh), bong bóng, chong chóng, rông rọc, cái chông (hình tròn), lòng vòng, thòng lòng, vòng, cầu vòng (mòng), phòng/phùng, nong (đồ đan hình tròn), nòng, ống, lòng (ruột), họng, gông, bọng ...v.v... hay các biến âm của ong/ông là ung như ủng (phù), thủng, thúng (hình tròn), cung (cây), vung, thung lũng, trũng ...v.v... Từ cong trong tiếng Mường, Nùng cũng có nghĩa như tiếng Việt so với các dạng kong (Chàm), kong (Khme), gonghng 𨾏𨾏 (Thái) ... Khi phát âm hai tiếng rông rọc, người viết có thể hình

dung ra ngay hình tượng tròn tròn của đôi tượng, so với tiếng hoạt luân 滑輪 (huálún, hay 轆轤 lùlú BK, như là rọc rọc) hay puli, palăng ... Ngay trong tiếng TH bây giờ vẫn còn thấy những âm -ong tượng hình như 弓 gōng BK (công HV, cây cung), 虹 hóng BK (cầu vồng, móng), 籠 lóng BK (long HV, rỗng), 籠 lóng BK (lồng, chuồng so với lung3 QĐ, lung1 Họ...), 壟 lǒng BK (gò mả, luống đất, đê, bờ ruộng), 洞 dòng BK (động HV, hang động, chỗ thủng), 癰/痛 yōng BK (ung, nhọt, mụn lớn)... Tiếng Việt có các dạng lỏng (nước, chữ Nôm thường dùng âm phù lỏng 弄 hay long, lung); Theo thiên ý (chất) LỎNG liên hệ trực tiếp đến long (phải hiểu với nghĩa nguyên thủy là sông nước, tiếng Hán hiện đại dùng cụm từ dịch thể ye4 ti3 液體 hay lưu thể liú2 ti3 流體)), LÁNG (có nước, như lênh láng) LOÃNG (so với các âm LONG 龍 và LANG 瀧) : các dạng này đều có khả năng là dạng đơn âm hoá từ cùng một gốc \*kr(l)ong như giải thích ở phần trên. Theo TVGT, tùng (thông) 松 có định nghĩa là 木部: 松 : 木也。

從木公聲 (mộc bộ : tùng : mộc dã . Tùng mộc công thanh). Rõ ràng là âm cổ của tùng (song1 BK) là công hay \*kong - mà theo học giả Trung Quốc Y Vinh Phương# tùng là tiền thân (thần cây cối) của long (rỗng) vì hình dáng ngoằn ngoèo và thuộc tính (xanh tươi quanh năm). Nhưng tùng còn có nghĩa là lỏng lẻo (chứ không phải là chất lỏng), nghĩa mở rộng này đáng chú ý qua cách đọc song1 BK so với LỎNG LONG và SÔNG. Ngoài ra tùng còn là tên sông bắt nguồn từ Thái Hồ 太湖 (phía Nam sông Dương Tử, khu vực Bách Việt); Sông thường cũng ngoằn ngoèo, cũng có nước (xanh tươi như tùng) quanh năm. Do đó với âm Thượng Cổ của tùng là \*kông, và là tên sông ở phía Nam lưu vực sông Dương Tử - đây còn có thể là một bằng chứng cho thấy long (rỗng) liên hệ đến sông qua dạng TÙNG. Âm Hán Việt tùng đã khác biệt quá xa các âm cổ hơn (sông, công) nên rất khó nhận diện các tương quan trên!

Những từ căn bản chỉ loài thú vật, hiện tượng thiên nhiên ... đã được tiếng Hán 'nâng cấp' (và quy ước hoá cao độ) trong quá trình phát triển chữ và văn hoá tự nhiên của con người (như sông, rắn, lẩn ... thành loài rỗng hư cấu, long HV, 預 voi > vui, dự HV ...); Do đó nhiều khi rất khó truy nguyên nghĩa nguyên thủy cũng như nguồn gốc Việt (Nam) của tên 12 con giáp chẳng hạn. Một số tiếng (Việt) cổ khác như không phù hợp với hệ thống ngôn ngữ của nhóm cầm quyền phương Bắc thì bị 'đào thải'. Các khuynh hướng 'nâng cấp' hay 'đào thải' đều làm cho ta khó nhận ra nguồn gốc phương Nam thời Tiên Tần của một số tiếng Hán Việt - đa số các âm HV nhập vào tiếng Việt một cách có hệ thống từ thời Đường Tống trở về sau và tạo một ấn tượng là tất cả các tiếng Hán Việt đều có gốc Hán!

# trang 91 "Văn hoá về 12 con giáp" tác giả Thường Tuấn, NXB Tổng Hợp TP HCM (bản dịch tiếng Việt, 2005)